

CHUẨN XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2014 – 2015

I. Cảnh cáo học vụ lần I

K 2014 : -ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 20
K 2013 : -ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 40
K 2012 : -ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 60
K 2011 : -ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 80
K 2010 : -ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 100
K 2009 : -ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 120

Ghi chú : ĐTBTL143 : Điểm trung bình tích lũy học kỳ 3 năm học 2014 – 2015
STCTL : Số tín chỉ tích lũy đến học kỳ.
ĐTBHK143 : Điểm trung bình học kỳ 3 năm học 2014 – 2015.

II. Cảnh cáo học vụ lần II

K 2014 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 20) & (ĐTBT141 < 3.00 hoặc STCTL < 10)
K 2013 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 40) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 30)
K 2012 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 60) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 50)
K 2011 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 80) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 70)
K 2010 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 100) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 90)
K 2009 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 120) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 110)

III. Buộc thôi học

K2014; K 2013; K 2012; K 2011; K 2010; K 2009 : ĐTB học kỳ **142** là 0 (trừ các trường hợp được phép rút toàn bộ môn học, cho phép được nghỉ học).
K 2013 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 40) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 30) & (ĐTBT133 < 3.00 hoặc STCTL < 20)
K 2012 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 60) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 50) & (ĐTBT133 < 4.00 hoặc STCTL < 40)
K 2011 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 80) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 70) & (ĐTBT133 < 4.00 hoặc STCTL < 60)
K 2010 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 100) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 90) & (ĐTBT133 < 4.00 hoặc STCTL < 80)
K 2009 : -(ĐTBT143 < 4.00 hoặc STCTL < 120) & (ĐTBT141 < 4.00 hoặc STCTL < 110) & (ĐTBT133 < 4.00 hoặc STCTL < 100)

Chương trình KSCLC Việt Pháp và Cao đẳng Bảo dưỡng công nghiệp (áp dụng theo quy chế 25 của Bộ GD&ĐT số 25/2006/QĐ-BGDĐT)

- ĐTB chung năm học < 3.50
- ĐTB chung < 4.0 sau 2 năm học; < 4.50 sau 3 năm học; 4.80 sau 4 năm học trở lên.

IV. Sinh viên thuộc diện ưu tiên 1 & 2; sinh viên thuộc khu vực 2NT và 01 : Được cộng thêm 10 tín chỉ khi xem xét xử lý học vụ

Mỗi học kỳ tạm dừng học : Được cộng thêm 10 tín chỉ khi xem xét xử lý học vụ

V. Chuẩn cứu xét tạm thu nhận các sinh viên bị buộc thôi học

K 2013 : 3.6 <= ĐTBTL 143 < 4.00 và 24 <= STCTL < 40 (6)
K 2012 : 3.7 <= ĐTBTL 143 < 4.00 và 42 <= STCTL < 60 (7)
K 2011 : 3.8 <= ĐTBTL 143 < 4.00 và 64 <= STCTL < 80 (8)
K 2010 : 3.9 <= ĐTBTL 143 < 4.00 và 80 <= STCTL < 100 (8)
K 2009 : 3.9 <= ĐTBTL 143 < 4.00 và 102 <= STCTL < 120 (8.5)

Ghi chú : : Min TCTLHK là 6 tín chỉ x số học kỳ chính là 4 = 24
Min TCTLHK là 7 tín chỉ x số học kỳ chính là 6 = 42
Min TCTLHK là 8 tín chỉ x số học kỳ chính là 8 = 64
Min TCTLHK là 8 tín chỉ x số học kỳ chính là 10 = 80
Min TCTLHK là 8.5 tín chỉ x số học kỳ chính là 12 = 102

Để được xem xét xử lý học vụ, xét tạm thu nhận sinh viên thuộc diện bị BTH phải làm đơn nộp cho Khoa xem xét, đề nghị với nhà trường **trước ngày 08/10/2015**. Khoa sẽ tổng hợp gửi cho PĐT trình Ban Giám Hiệu.